

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Liên**

Ông **Ngô Tiến Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Nha Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông **Lê
Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T
mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 147/2019/TLST-DS
ngày 26/3/2019 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”, theo quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 21/2019/QĐST-DS ngày 16/7/2019, quyết định hoãn phiên tòa số
28/2019/QĐST-DS ngày 06/8/2019 giữa các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H)** – Sinh năm
1966

Địa chỉ: 34B tổ 12 đường N, khóm N, phường H, thành phố T.

Có mặt

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị T** - Sinh năm: 1973

HKTT: 72 (số cũ 215B) đường T, khóm T, phường T, thành phố T.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn
trình bày:*

Tôi và bà Trần Thị T có quan hệ quen biết với nhau. Trước đây tôi đã từng cho
bà T vay tiền nhiều lần vì chị em thân tình, khi bà T cần thì tôi giúp đỡ. Ngày
05/4/2018 bà T vay tôi 800.000.000 đồng có viết giấy hẹn 6 tháng sau sẽ trả nhưng bà
T không trả cho tôi đồng nào. Nay tôi nghe tin bà T sắp đi nước ngoài nhưng nợ tôi
vẫn không trả nên tôi yêu cầu bà T phải trả cho tôi hết số nợ 800.000.000 đồng và

tiền lãi 0,2%/tháng kể từ ngày 06/10/2018 đến ngày 27/8/2019. Về vấn đề bà T nói viết giấy gia hạn hẹn đến 05/4/2021 mới trả nợ là không đúng, hoàn toàn không có giấy gia hạn này.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn - bà Trần Thị T trình bày:* Tôi và bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) có mối quan hệ quen biết với nhau nên khi cần tôi hay vay tiền bà H. Tuy nhiên mỗi lần vay hay trả đều không viết giấy gì cả nên tôi cũng không nhớ đã trả cho bà H bao nhiêu tiền. Tôi thừa nhận giấy mượn tiền ngày 05/4/2018 do tôi viết và ký tên. Trong giấy tôi ghi tên bà H là Trần Thị Thanh H. Tôi xác nhận bà Trần Thị Thanh H cũng chính là bà Trần Thị Thanh H, chỉ là 01 người. Khi viết giấy nợ tôi có photo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tôi tại 209 khóm T, phường T, thành phố T để nhờ bà H bán nhà giúp tôi chứ tôi không thể chấp gì cho bà H cả. Căn nhà này hiện nay tôi đã bán. Số tiền 800.000.000 đồng ghi trong giấy nợ là bao gồm cả gốc và lãi, tuy nhiên tôi không có bằng chứng gì về điều này nên tôi thừa nhận là tôi còn nợ bà H 800.000.000 đồng. Từ ngày 05/4/2018 đến nay tôi chưa trả cho bà H đồng nào. Do tôi khó khăn nên tôi có viết giấy gia hạn hẹn đến ngày 05/4/2021 tôi sẽ trả nợ cho bà H, giấy này bà H giữ. Nếu bà H nói không có giấy gia hạn này thì tôi cũng đành chịu vì tôi chỉ viết 01 bản. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi trả 800.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thì tôi đồng ý sẽ trả nợ cho bà H nhưng tôi đang khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng còn số tiền lãi thì tôi xin không trả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T có ý kiến: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 0,2%/tháng kể từ ngày 06/10/2018 đến ngày 27/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T trả lại số tiền đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T cố tình không đến, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bà T lại vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh” đối với bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T đã trình bày thừa nhận còn nợ bà H 800.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/4/2018. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H thì được biết bà T đã có 03 lần xuất nhập cảnh Việt Nam. Do đó Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2019 “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Trần Thị T. Mục đích của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm

thời là để đảm bảo việc thi hành án. Tuy nhiên, đến hôm nay bà Trần Thị T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H). Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) vẫn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Trần Thị T. Do đó, tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Trần Thị T. Kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vụ án này, sau khi bà Trần Thị T thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Trần Thị T sẽ được hủy bỏ theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Giữa bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) và bà Trần Thị T có việc vay mượn tiền. Việc vay mượn tiền này là hoàn toàn tự nguyện. Điều này được thể hiện theo giấy mượn tiền ngày 05/4/2018, bị đơn thừa nhận giấy mượn tiền là do bị đơn viết và ký tên.

Hội đồng xét xử xét thấy: bị đơn trình bày số tiền 800.000.000 đồng là bao gồm tiền gốc và lãi đồng thời có viết giấy gia hạn hẹn đến ngày 05/4/2021 bị đơn sẽ trả nợ cho nguyên đơn nhưng cũng chính bị đơn thừa nhận không có bằng chứng về điều này và thừa nhận còn nợ nguyên đơn 800.000.000 đồng như giấy mượn tiền ngày 05/4/2018 bị đơn đã viết. Nguyên đơn cũng không thừa nhận có giấy gia hạn trả nợ và cho rằng số tiền 800.000.000 đồng là tiền gốc chứ không có tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 800.000.000 đồng.

Về tiền lãi phát sinh: Xét thấy, mặc dù việc vay nợ giữa các bên theo giấy mượn tiền ngày 05/4/2018 không thỏa thuận về lãi suất nhưng đã quá thời điểm các bên thỏa thuận về việc trả nợ mà bị đơn vẫn không trả số nợ trên cho nguyên đơn nên căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về số tiền lãi của nguyên đơn 0,2%/tháng kể từ ngày 06/10/2018 đến ngày 27/8/2019.

Cụ thể: từ 06/10/2018 đến 06/8/2019 là 10 tháng: 16.000.000 đồng

Từ 07/8/2019 đến 27/8/2019 là 20 ngày: 1.067.000 đồng

Tổng cộng số tiền lãi là: 16.000.000 đồng + 1.067.000 đồng = 17.067.000 đồng

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DS-ST do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 36.512.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 155, Điều 166, Điều 357, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) 800.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 17.067.000 đồng.

Tiếp tục áp dụng áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xét cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Trần Thị T. Kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử vụ án này, sau khi bà Trần Thị T thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang “Cấm xét cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Trần Thị T sẽ được hủy bỏ theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kể từ ngày bà Trần Thị Thanh H (Trần Thị Thanh H) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị T không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2016.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 36.512.000 đồng án phí DS-ST. Hoàn lại cho bà Trần Thị Thanh H 7.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011040 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung